

Chỉ Mấy Vần Thơ Mấy Điều Ca

Hà Văn Thùy

Nhiều năm trước, tại nhà nữ sĩ Mộng Tuyết đường Nguyễn Trọng Tuyển thành phố Hồ Chí Minh, tôi gặp bức thư họa treo ở vị trí trang trọng với những dòng chữ:

Vỹ Dạ thôn có lão vương tôn là Thúc Gia
Ứng ca ung hát ung già gạo hò khoan
Ham vui điệu cổ thi đàn
Nghe câu tuyệt xướng muôn vàng cũng mua.

Dưới những câu ca câu hò đó là cái tên Ứng Bình Thúc Gia Thị. Lục tung toàn bộ hành trang tri thức của sê sĩ Bắc Hà đi mở cõi, tôi chưa từng gặp cái tên lạ hoắc ấy. Vì vậy, tôi tự nhủ: không có gì, không có gì để nói! Và để tránh thất thố tại nơi tôn nghiêm là Vương giả hương đình của nhà thơ nhà văn hóa nổi tiếng miền Nam Đông Hồ, tôi thực hành thuật im lặng. Nhưng rồi một lúc nào đó, cô bảy Mộng Tuyết bảo tôi: "Cụ Ứng Bình chính là tác giả mấy câu mà Thùy vừa đọc đó!" Tròn xoe mắt ngạc nhiên, tôi tưởng mình nghe lầm bởi từ bao giờ tôi định ninh đó là câu ca vô danh xứ Huế. Để thuyết phục tôi, bà cụ già ngót 80 tuổi mở tủ lấy ra cuốn Tiếng hát sông Hương. Mở sách, bà chỉ cho tôi... Ngay lúc đó, tôi nhìn lại bức thư họa kia, nhìn lại cái tên lạ. Từ bức thư họa cảm lặng bỗng tỏa ra ánh sáng lạ lùng. Tôi hiểu rằng, chỉ với mấy câu Chiều chiều trước bến Văn Lâu... Ứng Bình Thúc Gia Thị đã sống trường tồn cùng xứ Huế. Tôi cũng chợt nhận ra rằng, từ lâu, từ lâu rồi, tôi đã nợ ông! Như sự thôi thúc của tâm linh, tôi tìm đọc ông đăng trong muôn một trả món nợ với người cho tôi câu ca đẹp nhất về xứ Huế. May sao tôi gặp nhà thơ Tôn Nữ Hy Khương, ái nữ của cụ Ứng Bình, bà hết lòng giúp tôi.

♣♣♣

Chính những câu ca Huế đã dẫn tôi vào thế giới văn chương của Ứng Bình. Và khi đã hòa nhập với văn chương ông, tôi chợt giật mình nhận ra rằng những nhà nghiên cứu Bắc Hà đã vô tình bỏ quên mất một thi tài có công với văn hóa đất nước.

Trước khi đi vào văn chương, xin được nói chút ít về tiểu sử Ứng Bình, điều rất cần với người đọc Bắc Hà vì còn quá lạ lẫm.

Ông sinh năm 1877 tại làng Vỹ Dạ, huyện Phú Vang, Huế, là cháu nội của Tuy Lý vương Miên Trinh. Ứng Bình tốt nghiệp trường Quốc học Huế, am tường tiếng Pháp, đỗ đầu kỳ thi ký lục năm 1904 và năm 1909 đỗ Cử nhân Hán học. Với dòng dõi cành vàng lá ngọc, học giỏi đỗ cao, ông ra làm quan, về hưu được thăng thượng thư, hàm Hiệp tá Đại học sĩ.

Như những con người có nhân cách, Ứng Bình mang trên vai gánh nặng của nghiệp làm người. Ông có cách bộc lộ bản thân riêng của mình. Khi ấy, cuộc nổi dậy của vua Duy Tân đã xa rồi, tiếng súng dai dẳng của khởi nghĩa Yên Thế cũng lặng rồi... Hoàn cảnh đất nước cộng với xuất thân hoàng tộc nên trước mắt chàng trai Ứng Bình chỉ có con đường duy nhất là học để làm quan. Con đường này có hai nhánh: đẩy tới cùng cái nghiệp quan trường sẽ trở thành đại "công thần" đại phản động như đám Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải... Ứng Bình không bước vào cái ngõ cụt đó. Ông không coi hoạn lộ là mục đích là cứu cánh mà chỉ là phương tiện cho sự tồn tại của mình. Mấy chục năm nay, khi nghiên cứu một tác giả, cùng với thơ văn, ta thường áp dụng hệ quy chiếu đánh giá quan điểm chính trị của tác giả đó. Nhưng cũng còn một hệ phương pháp khác, hệ quy chiếu khác: đánh giá tác giả theo hiệu quả biểu hiện mình trong tác phẩm với tư cách con người tiểu vũ trụ. Có lẽ thước đo này sẽ đưa lại cho văn học cái nhìn thấu đáo hơn về tác giả. Áp dụng hệ quy chiếu này, ta thấy, thơ chính là phương tiện để Ứng Bình tự thể hiện.

Trước hết, ông là một nghệ sĩ với ý nghĩa người biết thưởng thức vẻ đẹp cuộc sống:

Trùng dương chơi nước chẳng chơi non,
Sóng dợn trắng xao thú giữa cồn
Sông rộng chiếc thuyền to hóa nhỏ,
Khách đông tiệc rượu dở mà ngon.
Mười ông bạn cũ tay nghiên bút,
Một ả đào tơ vẽ phấn son.
Tức cảnh theo làng thi nổi vận,
Hay hèn cũng gọi tiếng vương tôn.

(Chơi thuyền giữa dòng Hương-1939)

Không phải là gã hàn sĩ kiêu Đỗ Mục: Sở yêu tiêm tể thủ trung khinh (lưng eo bụng lép trong tay không tiền), chỉ có thể ngắm cảnh. Là một vương tôn, Ứng Bình có quyền chơi, có quyền thưởng thức. Có thuyền có bạn, có rượu và có đào non... giữa trăng và nước của chung. Có thể ai đó sẽ chê rằng, hay chỉ cái trò hưởng thụ vương giả đó? Ồ, vương giả không là người sao? Thì vì chút đỉnh nhân quyền, hãy cứ để cho kẻ vương giả được hết mình vương giả đi! Nhưng phải nói rằng, nếu không có cái chơi văn hóa của kẻ vương giả ấy, sông Hương còn gì?

Thêm một lần nghệ sĩ nơi ông là kẻ dám chơi và dám nói tình cảm thực của mình với những cô đào hát, những thân phận hèn hạ bị coi là xướng ca vô loại mà những chính nhân quân tử ai cũng ham nhưng ai cũng khinh. Hiếm có trong thi ca một nhà thơ công khai giữ mối chân tình được như thế này:

Phong trần chưa chút tẻo tèo tèo,
Chim lượn quanh non cá ẩn bèo.
Hoa nở đầu xuân hương sức nức,
Trăng giòn mặt biển bóng trong veo.
Mười hai bến nước không quen lạch,
Một chiếc thuyền tình mới thả neo.
Duyên nợ về ai ai phải nhớ
Làng thi đây cũng có tiền cheo.

(Tặng Âu Mai ca cơ)

Có sông trong, trăng sáng, có đào non, một nghệ sĩ như Ứng Bình phải có bạn. Hai lần dựng cờ Tao đàn, ông đã quần tụ bên mình nhiều bạn văn chương. Một phần quan trọng của thơ ông là ngâm vịnh, là xướng họa cùng bạn bè. Có thể phần thơ xướng họa này như hầu hết thơ xướng họa trên đời, nhiều mòn sáo, ít đem lại giá trị văn chương nhưng trong đó có một số bài đậm âm tình người:

Nhớ thầy Kính Chỉ đi lo nước
Nhớ bạn Tùng Lâm ở ngái nhà
Nhớ ả Như Không tài dạy trẻ
Nhớ nàng Tuyết Ngọc sắc trên ta
Chuyện vui nhớ mãi bà Trương Phó
Gặp khách tao đàn mới kể ra

(Nhớ người xa)

Hay:

Bạn cũ tới lui kèm bạn mới
Người gần yêu mến rủ người xa
Cùng chơi với lão không chi lạ
Chỉ mấy vần thơ mấy điệu ca

(Ngẫu hứng)

Cái hồn cái cốt của Ứng Bình Thúc Giạ Thị là nghệ sĩ. Nhưng người nghệ sĩ của ông tồn tại trong thực thể một vị quan triều. Ông ý thức được địa vị của mình:

Tôi đã từng mang ấn huyện đằng
Ba mươi năm trước ở Hòa Vang
Duyên xưa tuyết đã phơ đầu bạc,
Xuân muôn mai đương nở cánh vàng.

(Viếng cảnh Hòa Vang và đất Hàn)

Và

Chim đương khỏe cánh chưa màng ô
Ngựa đã quen đường cứ nhẹ roi
Cái nợ tang bồng thân phải gánh
Tấm gương ngày thảo dạ thường soi.

(Trở lại Hà Tĩnh)

Với những dòng trên, ta hiểu, khi làm quan, ông đã làm hết bổn phận của mình để thể hiện được tài trai, chí trai. Qua những câu thơ trên, ta thấy ông là viên quan thanh liêm, không phải hổ với lương tâm, ung dung vui sống trong cõi hiện sinh...

Người nghệ sĩ như Ứng Bình là cây đàn muôn điệu. Ở trên là bề nổi của âm vực. Đi sâu vào con người ông, ta cũng gặp những âm thanh khác.

Tuy dòng dõi vương tôn, làm quan Nam triều nhưng ông nhìn rõ thân phận mình và đồng bào là dân mất nước. Không phải là nhà cách mạng để chống thực dân nhưng ông là người yêu nước thương dân. Câu hò trên bến Văn Lâu nói về vua Duy Tân và nhà yêu nước Trần Cao Vân thể hiện sâu xa tấm lòng đó. So với một số nhà thơ khác như tản Đà hay Á Nam Trần Tuấn Khải, tư tưởng yêu nước của ông dường như được bộc lộ rõ nét hơn. Ta còn thấy trong những câu như:

Cõi Lào đất Việt phương Đông Á
Mà bản phân cương viết chữ Tây!

(Đường Na - Bẹ)

Câu thơ nảy sinh khi ông quan Nam triều đi trên con đường từ Vinh sang Hà Tĩnh gặp nhánh đường rẽ sang Lào ở phía Tây và chứng kiến một nghịch cảnh: đường đất Việt mà tên gọi lại Tây! Nghịch cảnh bất khả kháng của thời nô lệ! Và đây, một nghịch cảnh khác được hiện lên bằng những vần thơ trào lộng:

Cờ nương tử phát tuy người Việt
Lệnh tướng quân truyền thảy tiếng Tây!

(Nữ học sinh diễn võ - 1943)

Những nghịch cảnh ấy không lạ vì chúng có nguyên do duy nhất :

Đen vàng hai giống chẳng thù nhau,
Vẫn tới lui trên quả địa cầu
Đen bắt vàng sao vàng phải chịu
Sợ ông da trắng ở đằng sau!

(Người da đen tróc giải người da vàng)

Đó là nghịch cảnh của thời mất nước. Nhưng sau đó, khi thời cuộc thay đổi, thái độ của Ứng Bình với bọn thực dân bộc lộ rõ hơn :

Cao mưu tướng Nhật đà lạnh bước
Thất thế quan Tây phải cúi đầu
...
Sáu mươi năm lẻ quyền đô hộ,
Một phút ai ngờ hóa bể dâu!

Một tâm trạng, một nỗi buồn đau khác trong thơ Ứng Bình Thúc Gia Thị là nỗi day dứt của ông trước thân phận người nghèo. Nối tiếp truyền thống các nhà nho thi sĩ trong quá khứ, cuộc sống của lớp người nghèo lam lũ được phản ánh trong thơ ông với sự xót thương sâu sắc.

Thương bấy lư diêm người tật khổ.
Xét chằng đài tạ kẻ sang giàu
Sông Linh phải cậy thần linh với
Thổ Ngọa là dân lúc đón đau.

(Bữa cơm cảm tác)

hay :

Thấy bạn ăn mày quá tả tơi
Câu ca Thân Dậu hẳn như lời.

Khó tìm bảy cắc mua lon gạo
May được mười xu có củ khoai.

(Cảnh cảnh người hành khất)

Bài thơ Câu chuyện người hành khất với lời lẽ giản dị, ý sâu đáng được xếp vào loại thơ hay kim cổ. Đã khổ vì nghèo đói, người dân còn bất hạnh hơn trong cơn binh lửa:

Nghe còi báo động thổi liên thanh
Gan nhỏ gan to cũng giết mình
Giàu có sẵn hầm chun vôi vãi
Nghèo hèn thiếu chỗ chạy loanh quanh.

(Nghe còi báo động)

Đạn nổ bom rơi lo có một
Vải khan gạo hiếm khổ bằng ba

(Cảm tác cuối năm Giáp Thân)

Chim khóc tổ là bài thơ thấm nhuần chủ nghĩa nhân văn. Qua hình tượng con chim khóc tổ, tác giả nói tới thân phận điêu linh của con người trong ly loạn. Bài này làm ở Hà Tĩnh năm 1929. Phải chăng ở đây tác giả kín đáo nói lên tiếng nói cảm thương đối với những người dân bị đàn áp trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh?

Con sáo trên cành giọng nỉ non,
Sau cơn gió bão trận mưa dòn
Liếng quanh cái tổ tan tành đó
Là tổ thương tâm mẹ vắng con!

Lo cho dân cho nước là điều thường thấy ở kẻ sĩ mọi thời nhưng ở đây, trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử, ta thử xem thái độ nhà thơ thế nào trước sự sụp đổ của vương triều dòng họ mình? Chúng tôi xin dừng lại lâu hơn ở bài Bảo Đại thoái vị

Nỏ tiếc không thương cái bệ rồng,
Ngự xe cờ đỏ đến Thăng Long.
Trải qua non nước nhìn quang rạng,
Ngảnh lại lâu đài bỏ trống không.
Gió tạt cánh thu chim ngái tổ,
Trăng soi cửa cấm nhện giăng mùng.
Có ai vô Nội cho mình hỏi,
Thần tử còn lưa lại mấy ông?

Bài thơ là một sự bất ngờ. Tác giả, một vương tôn lại không tiếc không thương cái ngai vàng vừa mất! Thêm vào đó, trên sắc đỏ của lá cờ của chiếc xe ngự về Thăng Long, về Thủ đô của nước Việt Nam mới, còn ánh lên niềm hy vọng trong con mắt nhà thơ già: non nước nhìn quang rạng. Cắt nghĩa sao đây về

thái độ của nhà thơ? Là người thức thời, tác giả biết rằng cái bệ rồng nô lệ ấy thế nào rồi cũng sụp đổ như một tất yếu lịch sử. Và trong chỗ sâu xa, ông hy vọng vào một ngày độc lập. Câu 2 và 3 phát lộ như lời chào mừng của ông với cách mạng, với nước Việt Nam mới. Ta hiểu cái ý sâu trong ông lúc đó cũng chính là tâm nguyện của đại đa số đồng bào Việt Nam. Tuy vậy lòng người không bao giờ đơn giản. Ở sâu thẳm tâm trạng, trong mấy câu cuối, tác giả vẫn có nỗi buồn, sự nuối tiếc nhẹ nhàng về một quá khứ đã mất. Ta thông cảm với ông. Ông đã trung thực với mình và ta càng hiểu ông hơn sau này, khi Bảo Đại quay trở lại, ông chối từ mọi chức tước để sống trong vị thế người dân.

Nhìn suốt hành trình dài của Ứng Bình với tư cách ông quan và tư cách nhà thơ, ta thấy ông là bậc trí giả, biết mình biết thời. Tuy làm quan nhưng ông không màng danh lợi, luôn tâm niệm giữ được mình. Vì vậy, ngay khi làm quan, ông đã nghĩ đến ngày ra đi, từ giả quan trường. Khi được trở lại làm dân chính là ngày hạnh phúc:

Ba chục năm dư biến hoạn rồi,
Khởi cơn giông tố vậy thời thôi.
Thuyền quay tới bến neo neo lại,
Ngựa trở về non bước bước lui.

(Về hưu)

Chiêm nghiệm về cuộc đời quan trường của mình, ông có cái nhìn châm biếm về danh lợi:

Bạn hỏi tôi thăng chức tước gì?
Thưa, tôi nỗ có chức quyền chi.
Thượng thư trí sự về năm trước,
Hiệp tá vinh hàm thấy bữa ni.
Hàng ghế dịch lên năm bảy tấc,
Thẻ bài thêm lớn một vài ly.

(Thăng hàm Hiệp tá kỷ sự)

Chính do sự suy nghĩ sâu xa thấu lẽ đời mà sau này ông cáo từ chức Hiệp lý phủ Tôn nhân:

Những lời tấu đối tuy quen miệng,
Nhưng lời xu thời chửa thạo chân
Tai nặng mắt quàng e dễ vấp
Lui về nội lách dưỡng thiên chân.

Với tư cách một trí thức sống trong hoàn cảnh đặc biệt của dân tộc, Ứng Bình đã sống với đầy đủ lương tâm cùng trách nhiệm của mình. Phẩm chất cao nhất nơi ông là trung thành với nhân cách của mình. Đây là nhân cách nhà nho yêu nước, thương nòi, giữ mình không nhiễm ô trọc của thói tục. Nói về ông, một vị hòa thượng nhận xét: "Cụ không thành Phật cũng thành tiên." Đúng là Ứng Bình giữ được tiên phong đạo cốt của người trí thức chân chính trong truyền thống dân tộc. Cuộc đời ông đã nêu cao một phẩm chất trong sáng mà nhiều người mơ ước:

Thuở ra sân khấu không làm rộn
Khi hạ vai tuồng ít hỏ người.

Chữ ít thể hiện lòng khiêm tốn. Chính chữ ít khiến ta thêm kính trọng ông.

Sự nghiệp văn hóa của Ung Bình Thúc Giạ Thị là công hiến đa dạng, gồm thơ tiếng Việt, thơ chữ Hán, kịch bản tuồng và những câu ca câu hò. Sinh thời thơ của ông được lưu truyền trong bạn bè nhưng vở tuồng Lộ Dịch được diễn nhiều năm và những bài ca, câu hò của ông được phổ biến rộng, nhiều câu biến thành dân ca, ca dao. Ung Bình từng tâm niệm: "Ôi, những câu hát hay hò mà thường dân năng hát đó có phải là thường dân đặt ra đâu, chính là các bậc văn sĩ thời xưa đặt ra, mà thường dân nhớ lại. Văn sĩ đời xưa đã đặt ra những câu ca dao mà để lại cho ngày nay, thì văn sĩ ngày nay cũng nên đặt thêm, thêm cho nhiều mà để lại cho ngày mai..." Chính do suy nghĩ đó, từ một bậc vương tôn, ông hạ mình xuống làm ra những câu hát của thứ dân. Điều này đã nâng cao tầm văn hóa của ông. Bởi lẽ từ những câu hát của ông truyền trong dân gian, mặt bằng văn hóa của đất Thần kinh được nâng lên. Điều này không phải cá biệt bởi lẽ các nhà nho lớp trước đã sáng tạo ra ca trù và đưa nó lên thành nghệ thuật dân tộc độc đáo. Nhưng có lẽ hơn nhiều người, tác phẩm của Ung Bình có sức sống mãnh liệt, đến nỗi ta không thể nào hình dung nổi ca Huế sẽ ra sao nếu không có:

Chiều chiều trước bến Văn Lâu, ai ngồi, ai câu, ai sâu, ai thăm,
Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non!

Văn hóa Huế có được như hôm nay một phần nhờ Ung Bình Thúc Giạ Thị đã gửi hồn mình vào trong hồn Huế. Mỗi khi câu hò Huế cất lên, ta đã gặp ông bằng bạc trong đó rồi. Ông sẽ trường tồn cùng với văn hóa Huế. Việc của chúng ta là đánh giá đúng ông để làm giàu thêm cho văn hóa dân tộc.

Người viết chân thành cảm ơn nhà thơ Tôn Nữ Hỷ Khương đã giúp tư liệu để hiểu về cụ Ung Bình và hoàn thành bài viết này.